

# LUẬN LẬP THẾ A TỶ ĐÀM

## QUYỂN 5

### *Phẩm 18: THIÊN VÀ PHI THIÊN ĐÁNH NHAU*

Nơi bằng phẳng trên đỉnh núi Chúa Tu Di đều do lưu ly làm thành, êm lóng đáng yêu, trang nghiêm bằng các báu, ví như thảm trải nền dẹt bằng lông tuyết đẹp ở đất Bắc và vô số hình tượng điêu khắc khác, cũng như các báu trang sức vành tai. Ở đây lúc dẫm chân vào thì liền in xuống, lúc cất chân lên thì liền trở lại như cũ, như bông Đậu-la, đất này mềm mịn lại cũng như vậy. Xung quanh đỉnh này có thành vàng bao bọc, cao một do-tuần, thành thấp ở trên cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lâu cao một do-tuần rưỡi, mỗi mười do-tuần có một cửa, tất cả là ba vạn hai nghìn cửa. Các cửa thành này do các báu làm thành, trang sức bằng vô số ma-ni, ví như thảm trải nền dẹt bằng lông tuyết đẹp tại đất Bắc. Nhân, phi nhân, rồng, thú, cây cỏ và các loại hoa không có gì mà chẳng có, cũng như trang sức các báu lộng lẫy nhiều khắp đầy đủ, các cửa thành này cũng lại như vậy. Hai bên thành này trang nghiêm bằng voi, ngựa, xe, quân, các Thiên tử cầm gậy giáo nhọn trang nghiêm, tụ tập ở đây để hộ quốc, dạo chơi, trang nghiêm. Có hồ báu khắp nơi, nước trời tràn đầy, thành lũy và bờ đáy đều làm bằng gạch bốn báu, ngoài ra đều nói như trên, cho đến chư thiên nam nữ nhiều khắp trong đó cũng lại như vậy. Từ trên đỉnh núi chúa Tu Di này xuống dưới hai vạn do-tuần là tầng thứ nhất. Bốn bên của tầng này, mỗi bên rộng năm mươi do-tuần, chu vi hơn tầng trên là bốn trăm do-tuần, có thành vàng bao quanh. Thành này cao một do-tuần, thành thấp phía trên cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lâu cao một do-tuần rưỡi. Mỗi mười do-tuần có một cửa, có tất cả một nghìn cửa do các báu làm thành và được trang sức bằng vô số ma-ni, ví như thảm trải nền dẹt bằng lông ở đất Bắc. Nhân, phi nhân, rồng, thú, cỏ cây và các loài



hoa, không gì mà chẳng có, cũng như trang sức các báu lộng lẫy, đầy đủ. Các cửa thành này cũng lại như vậy. Hai bên các cửa thành có voi, ngựa, bốn quân phòng vệ, để hộ quốc, để vui chơi, để trang nghiêm. Bên ngoài thành ấy có hồ các báu, thành lũy và đá bờ đều do gạch bốn báu làm thành, cho đến Thiên tử và Thiên nữ nhiều khắp quốc độ cũng là như vậy. Có các Thiên tử tên là Trì Man trú ở trong đó. Số chu vi của gốc núi Tu Di tăng thêm bốn trăm do-tuần, tầng này cộng với gốc núi là tám trăm do-tuần. Từ đỉnh xuống bốn vạn do-tuần là tầng thứ hai, bốn bên đều rộng ra hơn tầng trên năm mươi do-tuần, có thành vàng vây quanh. Thành này cao một do-tuần, thành phía trên cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi. Mỗi mười do-tuần có một cửa, có tất cả một nghìn cửa do các báu làm thành và được trang sức bằng vô số ma-ni, ví như thảm trải nền dệt bằng lông tuyết đẹp ở đất Bắc. Nhân, phi nhân rồng, thú, cây cỏ và các loại hoa, không có gì mà chẳng có, cũng như vòng tai đầy đủ các báu, các cửa thành này cũng lại như vậy. Hai bên các cửa thành có bốn quân voi ngựa phòng vệ để giữ nước, để vui chơi, để trang nghiêm. Có hồ các báu, thành lũy và đá bờ hồ đều làm bằng gạch bốn báu, cho đến chư thiên tử... đây khắp quốc độ cũng là như vậy. Có các Thiên tử tên là Thường Thắng trú ở trong đó. Số chu vi gốc núi lại tăng thêm tám trăm do-tuần, hợp lại với gốc núi là một nghìn hai trăm do-tuần. Từ đỉnh núi xuống sáu vạn do-tuần là tầng thứ ba, bốn bên đều rộng ra hơn tầng thứ hai là năm mươi do-tuần, có thành vàng bao quanh. Thành này cao một do-tuần, thành phía trên cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi. Mỗi mười do-tuần có một cửa, tất cả có một nghìn cửa đều do các báu làm thành và trang sức bằng vô số ma-ni, ví như thảm trải nền dệt bằng lông tuyết đẹp ở đất Bắc. Nhân, phi nhân rồng, thú, cây cỏ và các loại hoa không có gì mà chẳng có, cũng như vòng tai đầy đủ các báu, các cửa thành này cũng lại như vậy. Hai bên các cửa thành có bốn quân voi ngựa phòng vệ để giữ nước, để vui chơi, để trang nghiêm. Có hồ các báu, thành lũy và đá bờ hồ đều làm bằng gạch bốn báu, kiến tạo cho đến chư thiên tử... đây khắp quốc độ cũng là như vậy. Có các Thiên tử tên là Thủ Trì Bảo Khí trú ở trong đó, có thành vàng bao quanh và vô số sự trang nghiêm cũng nói như trên, cho đến các Thiên tử đây khắp quốc độ lại cũng như vậy. Số chu vi gốc núi Tu Di lại tăng thêm bốn trăm do-tuần, cộng lại là một nghìn sáu trăm do-tuần là tầng thứ tư, bốn bên của tầng này rộng hơn tầng thứ ba ở trên là năm mươi do-tuần. Từ mặt nước biển lên năm mươi do-tuần là tầng

thứ tư của núi Tu Di, rộng hơn tầng thứ ba mỗi bên năm mươi do-tuần, dày cũng như vậy, có thành vàng bao quanh. Thành này cao một do-tuần, thành phía trên cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi. Mỗi mười do-tuần có một cửa, tất cả có một nghìn cửa đều do các báu làm thành và được trang sức bằng vô số ma-ni, ví như thảm trải nền dệt bằng lông tuyết đẹp ở đất Bắc. Nhân, phi nhân, rồng, thú, cây cỏ và các loài hoa không gì mà chẳng có; cũng như vòng tai đầy đủ các báu, các cửa thành này cũng là như vậy. Hai bên các cửa thành đều có bốn quân voi, ngựa phòng vệ, để hộ quốc, dạo chơi và trang nghiêm quốc độ. Có hồ các báu và bờ hồ, đáy hồ, thành lũy đều làm bằng gạch bốn báu, cho đến chư thiên đầy khắp quốc độ cũng lại như vậy. Tầng thứ tư này là trú xứ của quân Tứ Thiên Vương. Phía tầng này ra đến bốn trăm năm mươi do-tuần, chu vi một nghìn tám trăm do-tuần có rồng, thú và trú xứ của chim cánh vàng. Các tầng phía dưới trên núi Tu Di đều dày năm mươi do-tuần. Các tầng trong biển ấy là trú xứ của A Tu-la. A-tu-la này vì muốn được năm việc của chư thiên nên đi đến chinh phạt. Những gì là năm? Một là vị Thiên-tu-đà, hai là đất bằng của chư thiên, ba là vườn rừng của chư thiên, bốn là quốc ấp của chư thiên, năm là Đồng nữ của chư thiên. Vì năm việc này mà đi đến công kích chư thiên. Chư thiên cũng muốn được năm việc kia nên đi đến đánh Tu-la. Những gì là năm? Một là vị Tu-đà A-tu-la, hai là đất bằng của Tu-la, ba là vườn rừng của Tu-la, bốn là quốc ấp của Tu-la, năm là Đồng nữ của Tu-la. Vì năm việc này mà đi đến đánh Tu-la. Lúc ấy, Tu-la đến đánh chư thiên; trước tiên là ở dưới nước có rồng và chim đánh nhau, nếu không hơn thì liền lui về chỗ cũ. Nếu lúc chiến thắng thì lên tầng dưới nhất cùng quân Tứ Vương và các rồng, chim cũng lên tầng này, cùng chiến đấu một lúc mà Tu-la không bằng thì liền trở về chỗ cũ. Nếu lúc chiến thắng thì lên tầng thứ hai cùng với quân Tứ Vương và trời Bảo Trì Khí, các rồng, chim... cùng đánh nhau một lúc, nếu lúc không thắng thì liền trở về chỗ cũ. Nếu lúc thắng thì tiến lên tầng thứ ba cùng với trời Thường Thắng, trời Trì Bảo Khí và quân Tứ Vương; các chim, rồng... chiến đấu với nhau một lúc, nếu không thắng thì liền trở về chỗ cũ. Nếu thắng thì lên tầng thứ tư cùng trời Trì Man, các trời ở dưới và quân Tứ Vương; các rồng, chim... chiến đấu với nhau một lúc, nếu không thắng thì từ đó trở về chỗ cũ. Nếu lúc chiến thắng thì lên đỉnh núi Tu Di. Chư thiên Trì Man này đi đến chỗ Đế Thích báo về việc như vậy: “Thưa Thiên Tôn! A-tu-la đã đến”. Lúc ấy, Đế Thích dùng một nghìn xe ngựa, có một xe dùng áo A-la-hán làm tràng phan,

bốn binh voi, ngựa không xen tạp, quân chúng vây quanh đi ra chỗ chiến. Thiên Vương trời thứ ba mươi ba và mỗi một đều có bốn bộ quân chúng vây quanh cũng đến chỗ chiến. Hai Thái tử của vua là Chiên Đàn và Tu Tỳ cũng có bốn quân vây quanh cùng đến chỗ chiến. Lúc ấy, Tứ Thiên Vương cũng có bốn quân vây quanh cùng đến chỗ chiến. Thiên tử Nhật, Nguyệt cũng có bốn quân vây quanh cùng đến chỗ chiến. Tất cả chư thiên như vậy đều có tướng quân ở trước dẫn quân đến nơi chỗ này cùng với Tu-la chiến đấu. Quân Tượng cùng chiến đấu với quân Tượng, các quân xe, mã, bộ... đều như vậy. Lúc chiến đấu, nếu người nào đến trước thì tự lui trước, quy tắc là vậy. Việc như vậy, Đức Phật đã dạy:

Này Tỳ-kheo! Thuở xưa, lúc chư thiên cùng chiến đấu với Tu-la, đang lúc chiến đấu, hai bên giao kiếm, quân chư thiên thắng, quân Tu-la bỏ chạy. Này Tỳ-kheo! Lúc Tu-la rút lui, chạy về hướng Nam, trở về chỗ cũ, chư thiên cũng bèn lui về. Này Tỳ-kheo! Lúc ấy Tu-la suy nghĩ: “Chư thiên đại thắng, chúng ta bỏ chạy, chư thiên liền lui về rất gấp, quân ta vẫn có thể quyết chiến lần khác”. Lần thứ hai chiến đấu, chư thiên đại thắng, Tu-la lại rút lui, chạy về hướng Nam, trở về chỗ cũ, chư thiên bèn về. Này Tỳ-kheo! Lúc ấy, Tu-la lại suy nghĩ: “Chư thiên đại thắng, chúng ta bỏ chạy, chư thiên bèn về gấp, nay quân ta vẫn còn, ắt phải quyết chiến lần khác”. Này Tỳ-kheo! Lúc chiến đấu lần thứ ba, chư thiên lại thắng, Tu-la bỏ chạy, trở về thành mình, đóng cửa mà ở. Này Tỳ-kheo! Lúc ấy, Tu-la lại suy nghĩ: “Ta đã vào thành, nếu chư thiên có đến cũng không đánh được ta”. Này Tỳ-kheo! Chư thiên cũng suy nghĩ: “Bọn Tu-la đã vào thành của chúng, không thể tấn công”. Lúc ấy, chư thiên cũng vây quanh khắp nơi, làm cho ở đó chỉ sinh hoạt trong thành, chư thiên liền được ăn vị Tu đà của Tu-la, chiếm đóng nơi đất bằng cùng các vườn rừng và các quốc ấp, các Đồng nữ... đều được chọn dùng, tất cả nam nữ, vật báu đều tiêu hết không hề bỏ sót. Nếu chư thiên tác ý muốn vào thành kia: “Ta cùng với Tu-la ăn uống, đã làm thân thích, cần đến thăm hỏi”, thì tùy ý mà đến đi, ăn uống, chuyện trò. Đã vào thành rồi nếu tâm không thích nghi thì vì tâm này mà tự nhiên ra về. Vì sao như vậy? Vì thành này là chỗ vô úy của A-tu-la nên chư thiên tùy ý mà trú ở quốc độ này. Đồng nữ Tu-la đã được chọn dùng, nếu lúc muốn đi sẽ dẫn về cõi trời. Lúc có người đến mua vị Tu đà trong các A-tu-la thì vào thành chư thiên thăm hỏi khắp nơi, hoặc thấy chư thiên... và các quyến thuộc luận bàn đất rẻ, hoặc mua được thì cùng nhau về chỗ cũ. Nếu các Chư thiên thối lui, lúc bị bắt giữ cũng lại như

vậy. Đại thành Thiện Kiến của cõi trời Đao Lợi là trú xứ của Thích Đề Hoàn Nhơn. Thành A-tu-la là trú xứ của vua A-tu-la. Như Tượng Vương đi trong vườn Y-la-bàn của trời Đao Lợi, A-tu-la cũng như vậy có Tượng Vương tên là Bạt-đà-bà-ha cõi đi trong vườn rừng. Như Thiện Vương Thiện Trụ của trời Đao Lợi cõi đi chiến đấu, Tượng Vương Nha-la-bà của A-tu-la cũng cõi đi chiến đấu như vậy. Như châu, quận, huyện... cõi trời của trời Đao Lợi, cảnh giới Tu-la cũng lại như vậy; như y phục, ẩm thực của trời Đao lợi và vô số sự trang nghiêm, cảnh giới Tu-la cũng vậy, trừ Thiện pháp đường và trùng các Bì-thiên-diên-đa. Nghĩa như vậy, Đức Thế Tôn đã dạy, tôi nghe như vậy.

### *Phẩm 19: SỰ VẬN HÀNH CỦA MẶT TRỜI MẶT TRĂNG*

Từ cõi Diêm-phù-đề lên cao bốn vạn do tuần là vòng quay nửa núi Tu di của mặt trời, mặt trăng, đi qua núi Càn-đà. Cung điện mặt trời mặt trăng này có hình tròn như cái trống. Cung điện mặt trăng có bề dày năm mươi do tuần, rộng năm mươi do tuần, chu vi một trăm năm mươi do tuần. Cung điện mặt trời, mặt trăng này được làm bằng lưu ly, lớp che ở trên bằng bạch ngân, phần nhiều là nước, phần nước phía dưới là nhiều nhất, ánh sáng ở phần dưới ấy cũng là lớn nhất. Phía trên của nó có thành vàng bao bọc xung quanh, thành cao một do tuần, thành thấp phía trên cao nửa do tuần, cửa thành cao hai do tuần, cửa lầu cao một do tuần rưỡi; mỗi mười do tuần có một cửa, tất cả là mười bốn cửa và một cửa nhỏ. Các cửa thành này được làm bằng các báu, được trang sức bằng vô số Ma-ni, ví như thảm trải nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc. Nhân, phi nhân... rồng, thú, cây cỏ và các loài hoa không gì mà chẳng có, cũng như vòng tai đầy đủ các báu trang nghiêm, các cửa thành này cũng như vậy. Hai bên cửa thành được trang nghiêm bằng bốn quân voi, xe, các Thiên tử cầm gậy giáo trang nghiêm, tập hợp trong đó để giữ nước, vui chơi và trang nghiêm. Khắp nơi có hồ báu, nước trời tràn đầy, thành lũy và bờ đày đều kiến tạo bằng gạch bốn báu, ngoài ra đều nói như trên. Cho đến chư thiên nam nữ cùng khắp trong đó lại cũng như vậy. Cung điện này gọi là Chiên Đàn, Thiên tử mặt trăng này ở trong đó cũng gọi là Chiên Đàn, cung điện Thiên tử đều gọi là Chiên Đàn. Cung điện như vậy đã trụ hơn bốn mươi kiếp, vì duyên tăng thượng của nghiệp chúng sinh nên thường đi chiếu sáng. Lúc Thiên tử ở cung điện cũng thường đi, nếu Thiên tử không ở, cung điện cũng đi. Lúc Thiên tử trở về, tùy theo chỗ đang ở của cung điện mà Thiên tử liền đáp xuống ở đó. Cung mặt trời này có chiều dày năm mươi một do-tuần, rộng năm

mười một do-tuần, chu vi một trăm năm mươi ba do-tuần. Cung điện mặt trời này được làm bằng pha lê, lớp che ở trên bằng xích kim (vàng đỏ), phần nhiều là hỏa đại, hỏa phần ở dưới là nhiều nhất, ánh sáng ở dưới vùng ấy cũng nhiều nhất. Phần ở trên của cung điện này có thành vàng vây quanh, thành cao một do-tuần, thành thấp ở trên cao nửa do-tuần, cổng thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi; mỗi một do-tuần có một cửa, tất cả là mười bốn cửa và một cửa nhỏ. Các cửa thành này được làm bằng các báu và được trang sức bằng vô số Ma-ni, ví như thảm trải nền được dệt bằng lông tuyết đẹp ở đất Bắc. Nhân, phi nhân... rồng, thú, cỏ cây và các loài hoa không gì mà chẳng có, cũng như vòng tai trang sức đầy đủ các báu, các cổng thành này lại cũng như vậy. Hai bên cổng thành được phòng vệ bằng bốn quân voi, xe để giữ quốc độ, để trang nghiêm và vui chơi. Khắp nơi có hồ báu nước trời tràn đầy, thành lũy và bờ đày đều được làm bằng gạch bốn báu, ngoài ra cũng nói như trên. Cho đến chư thiên nam nữ nhiều khắp trong đó lại cũng như vậy. Cung điện này gọi là Tu Dã, Thiên tử mặt trời này trú ở trong đó cũng gọi là Tu Dã, cung điện Thiên tử đều gọi là Tu Dã. Cung điện này đã trú hơn bốn mươi kiếp, vì duyên tăng thượng của chúng sanh nên thường đi chiếu sáng. Lúc Thiên tử ở, cung điện thường đi, nếu Thiên tử không ở cung điện cũng đi. Lúc Thiên tử trở về thì tùy theo chỗ đang trú của cung điện mà Thiên tử liền đáp xuống trong đó. Cung điện tinh tú nhỏ nhất có đường kính nửa câu-lô-xá, chu vi một câu-lô-xá rưỡi. Tinh tú lớn có đường kính mười sáu do-tuần, chu vi bốn mươi tám do-tuần. Trước nhật nguyệt có Thiên tử Hành Lạc. Thiên tử này nếu lúc đi thì nhận lấy sự vui chơi, vì duyên tăng thượng của nghiệp chúng sanh nên có phong luân thường thổi vòng khắp, vì gió thổi nên cung mặt trời mặt trăng... quay khắp không ngừng. Cung điện mặt trời đi một trăm tám mươi đường, cung điện mặt trăng đi mười lăm đường, mặt trời đi mười hai đường và mặt trăng đi một đường. Nếu lúc mặt trời ra vào thì có mười hai đường đi của mặt trời, lúc mặt trăng ra vào thì mặt trời đi được một độ. Từ đường cực Nam đến đường cực Bắc là hai trăm chín mươi do-tuần, mặt trời mặt trăng đi ở trong đó không có giảm đi hoặc dài ra. Mặt trời lại có hai đường một là đường ngoài, hai là đường trong. Đường trong là từ trong đường Diêm-phù-đề đến đường trong Uất đơn-việt cách nhau bốn ức tám vạn tám trăm do-tuần, chu vi mười bốn ức bốn vạn hai nghìn bốn trăm do-tuần. Đường ngoài là cách nhau bốn ức tám vạn một nghìn ba trăm tám mươi do-tuần, chu vi mười bốn ức bốn vạn bốn nghìn một trăm bốn mươi do-tuần. Mặt trăng quay một bên thì

nhanh, quay khắp thì chậm; mặt trời quay khắp thì nhanh, quay một bên thì chậm. Mặt trời và mặt trăng quay có lúc trùng (hợp), có lúc không trùng (ly). Trong mỗi một ngày mặt trời quay bốn vạn tám nghìn tám mươi do-tuần, lúc hợp và ly đều vậy. Nếu lúc hợp một thoáng, ban ngày mặt trời khuất mặt trăng ba và một phần ba do-tuần, vì phương tiện này nên ngày mười lăm tất cả ánh sáng mặt trăng không hiện. Nếu lúc ly một thoáng, hàng ngày mặt trời quay bốn vạn tám nghìn tám mươi do-tuần, mặt trời cách mặt trăng ba và một phần ba do-tuần, vì phương tiện này nên mặt trăng ngày mười lăm tròn. Số lượng như vậy chu vi mặt trời quay nhanh chậm so với mặt trăng bốn vạn tám nghìn tám mươi do-tuần. Lúc ấy Thế Tôn nói lại nghĩa này bằng kệ:

*Bốn vạn và tám nghìn  
Tám mươi các do-tuần  
Nhật quay nguyệt chạy vậy  
Cách mặt trăng cũng vậy.*

Mặt trời thường đi một do tuần rưỡi và một phần chín do-tuần, mỗi một ngày lúc mọc như vậy, lặn cũng như vậy. Trong ngày tháng sáu từ đường trong đi ra đến đường ngoài, ngày tháng sáu từ đường ngoài vào đến đường trong mặt trời thường đi mười chín một phần ba do-tuần. Mỗi một ngày mặt trời mọc cũng như vậy, lặn cũng như vậy. Ngày mười lăm từ đường trong đến đường ngoài, từ đường ngoài đến đường trong, nếu mặt trời đi từ đường trong Đông Phát-bà-đề đến phía Nam cõi Đông Phát-bà-đề cách nhau sáu trăm tám mươi ba và một phần ba do-tuần, trong đó mặt trời đi đường trong. Nếu mặt trời đi đường trong Diêm-phù-đề đến phía Nam cõi Diêm-phù-đề cách nhau ba trăm năm mươi do-tuần, trong đó mặt trời đi đường trong. Nếu mặt trời đi đường trong Tây-cù-da-ni đến phía Nam cõi Tây-cù-da-ni cách nhau sáu trăm tám mươi ba một phần ba do-tuần, trong đó mặt trời đi đường trong. Nếu mặt trời đi đường trong Bắc Uất-đơn-việt đến phía Nam cõi Uất-đơn-việt cách nhau ba trăm năm mươi do-tuần, trong đó mặt trời đi đường trong. Nếu mặt trời đi đường ngoài Đông Phát-bà-đề từ vùng phía Nam đến đường ngoài của mặt trời là ba trăm chín mươi ba một phần ba do-tuần, mặt trời đi trong đó. Nếu mặt trời đi đường ngoài Diêm-phù-đề từ vùng phía Nam đến đường ngoài của mặt trời sáu mươi do-tuần, mặt trời đi đường ngoài trong đó. Nếu mặt trời đi đường ngoài Tây Cù-da-ni từ vùng phía Nam đến đường ngoài của mặt trời ba trăm chín mươi ba một phần ba do-tuần, mặt trời đi trong đó. Nếu mặt trời đi đường ngoài Bắc Uất-đơn-việt đến vùng phía Nam sáu mươi do-tuần, mặt trời đi trong



đó. Nếu mặt trời đi đường trong Đông Phát-bà-đề thì đi đường ngoài Tây Cù-da-ni và đi đường giữa Nam Diêm-phù-đề và Bắc Uất-đơn-việt. Lúc ấy ban ngày ở Đông Phát-bà-đề dài nhất là mười tám mâu-hư-đa, ban đêm ngắn nhất mười hai mâu-hư-đa. Ban đêm ở Tây Cù-da-ni dài nhất là mười tám mâu-hư-đa, ban ngày ngắn nhất là mười hai mâu-hư-đa. Phần ban ngày, ban đêm... của Diêm-phù-đề và Bắc Uất-đơn-việt đều là mười lăm mâu-hư-đa, sáu mâu-hư-đa ở đó thường động, hai mươi bốn mâu-hư-đa bất động. Nếu mặt trời đi đường ngoài Đông Phát-bà-đề thì đi đường trong Tây Cù-da-ni, đi đường giữa Nam Diêm-phù-đề và Bắc Uất-đơn-việt, lúc ấy đêm ở Đông Phát-bà-đề dài nhất là mười tám mâu-hư-đa, ngày ngắn nhất là mười hai mâu-hư-đa, ngày dài nhất ở Tây Cù-da-ni là mười tám mâu-hư-đa, đêm ngắn nhất là mười hai mâu-hư-đa. Phần ngày đêm ở Nam Diêm-phù-đề và Bắc Uất-đơn-việt đều là mười lăm mâu-hư-đa. Nếu mặt trời đi đường trong Diêm-phù-đề tức đi đường ngoài Bắc Uất-đơn-việt, tức đi đường giữa Đông Phát-bà-đề và Tây Cù-da-ni, ngày dài nhất ở Diêm-phù-đề này là mười tám mâu-hư-đa, đêm ngắn nhất là mười hai mâu-hư-đa; đêm dài nhất ở Bắc Uất-đơn-việt là mười tám mâu-hư-đa, ngày ngắn nhất là mười hai mâu-hư-đa. Phần ngày đêm của Đông Phát-bà-đề và Tây Cù-da-ni đều là mười lăm mâu-hư-đa. Nếu mặt trời đi đường ngoài Nam Diêm-phù-đề tức đi đường trong Bắc Uất-đơn-việt, đi đường giữa Đông Phát-bà-đề và Tây Cù-da-ni, lúc ấy ban đêm ở Diêm-phù-đề dài nhất là mười tám mâu-hư-đa, ban ngày ngắn nhất là mười hai mâu-hư-đa; ban ngày ở Bắc Uất-đơn-việt dài nhất là mười tám mâu-hư-đa, ban đêm ngắn nhất là mười hai mâu-hư-đa; phần ngày đêm ở Đông Phát-bà-đề và Tây Cù-da-ni đều là mười lăm mâu-hư-đa; ở Tây Cù-da-ni và Bắc Uất-đơn-việt đều nói như trên. Nếu ba mươi mâu-hư-đa trong thế gian nhất định thường là một ngày đêm, thì một mâu-hư-đa đó có ba mươi phần, mỗi một phần này gọi là la-bà. Nếu lúc mặt trời tăng thì ban ngày tăng một la-bà, nếu mặt trời giảm ban ngày, cũng giảm một la-bà, ban đêm cũng như vậy. Nếu lúc ban ngày giảm, ban đêm tăng một la-bà; nếu ban đêm giảm, ban ngày tăng một la-bà. Nếu ban ngày dài nhất là mười tám mâu-hư-đa, lúc ấy ban đêm ngắn nhất là mười hai mâu-hư-đa. Nếu ban đêm dài nhất là mười tám mâu-hư-đa, lúc ấy ban đêm ngắn nhất là mười hai mâu-hư-đa. Nếu ngày đêm, ban ngày mười lăm mâu-hư-đa, ban đêm mười lăm mâu-hư-đa, hoặc ngày mười lăm tháng năm trăng đang tròn, lúc ấy ở Ấn Độ bắt đầu kiết hạ thì ở Trung Quốc (nhà Hán) an cư đã xong một tháng. Lúc ấy ban

ngày thì dài nhất là mười tám mâu-hư-đa, ban đêm thì ngắn nhất là mười hai mâu-hư-đa. Từ ngày mười sáu giảm một la-bà, tháng một giảm một mâu-hư-đa, tháng thứ hai giảm một mâu-hư-đa, tháng thứ ba lại giảm một mâu-hư-đa cho đến ngày mười lăm tháng tám ở Ấn Độ mát mẻ thì ở Trung Quốc phải mặc áo ca-hy-na, ban ngày và ban đêm bằng nhau, đều là mười lăm mâu-hư-đa. Từ ngày mười lăm đến tháng một là giảm một mâu-hư-đa, tháng thứ hai giảm một mâu-hư-đa, tháng thứ ba lại giảm một mâu-hư-đa, đến ngày mười lăm tháng mười một ban đêm dài nhất là mười tám mâu-hư-đa, ban ngày ngắn nhất là mười hai mâu-hư-đa. Từ đêm lúc này ban ngày giảm một la-bà, ngày tháng một thì ban đêm giảm một mâu-hư-đa, tháng thứ hai lại giảm một mâu-hư-đa, tháng thứ ba lại giảm một mâu-hư-đa, đến ngày mười lăm tháng mười hai ban ngày và ban đêm bằng nhau, mỗi một đều là mười lăm mâu-hư-đa. Lại nữa từ ngày mười sáu đến tháng một lại giảm một mâu-hư-đa, tháng thứ hai lại giảm một mâu-hư-đa, tháng thứ ba lại giảm một mâu-hư-đa đến ngày mười lăm tháng năm ban ngày dài nhất là mười tám mâu-hư-đa, ban đêm ngắn nhất là mười hai mâu-hư-đa. Lại có biệt thời, nếu mùa hạ ở Ấn Độ trong mùa trăng tháng thứ nhất ngày thứ chín nửa tháng thứ hai đó là ngày mồng chín tháng sáu thì lúc này ngày dài nhất là mười tám mâu-hư-đa, đêm ngắn nhất là mười hai mâu-hư-đa; đến ngày mồng chín tháng chín, ngày đêm bằng nhau đều là mười lăm mâu-hư-đa. Ngày mồng chín tháng mười một, đêm dài nhất là mười tám mâu-hư-đa, ngày ngắn nhất là mười hai mâu-hư-đa, ngày mồng chín tháng ba ngày đêm bằng nhau, đều là mười lăm mâu-hư-đa. Xoay chuyển như vậy đủ năm năm thì có một du-già, tức là hai tháng nhuận: một là theo mặt trăng, hai là theo mặt trời. Ngày mười hai, mồng chín, ngày mồng sáu, mồng ba, ngày mười lăm ở giữa năm năm, ngày đêm trong đó là ngắn hoặc dài. Mặt trăng là dùng để phân biệt ba việc: một là phân biệt tháng, hai là phân biệt ngày mười lăm, ba là phân biệt tròn khuyết. Mặt trời là để phân biệt ngày đêm, phân biệt tiết hạ, đông, thu, phân biệt năm. Dùng ba việc này theo mặt trời được thành tháng nhuận là cũng có hai: một là theo tháng, hai là theo ngày. Tháng nhuận này được làm ra theo tháng, ngày tháng tư phải làm hai tháng nhỏ: một tháng nhỏ là trong nửa tháng thứ ba; tháng nhỏ thứ hai là trong nửa tháng thứ bảy. Trong một năm phải có sáu tháng nhỏ, năm năm đủ thiếu ba mươi ngày, ba mươi ngày này phải thêm trong năm năm, nếu không làm tháng nhỏ thì tháng tròn không đúng. Tháng nhỏ làm ra theo ngày, theo thế gian mà nói, vì ba

mười mâu-hư-đa nhất định là một ngày đêm, phân ba mươi mâu-hư-đa làm sáu mươi phần; vì mặt trời đi nhanh nên năm mươi chín phần liền đi khắp, dư một phần. Vì việc này nên tháng hai thì dài một ngày, tháng hai lại dài một ngày cho đến một năm, dài đủ sáu ngày, năm năm như vậy thì dài một tháng, dùng một tháng này thêm vào trong năm năm, đó là tháng nhuận. Nếu không làm tháng nhuận thì thời tiết và năm đều sai không chính xác. Lại nữa năm năm phải có hai tháng nhuận: tháng thứ nhất là ở năm thứ ba, tháng thứ hai là ở năm thứ năm. Nếu mặt trăng ở trong Diêm-phù-đề thì mặt trời đến Tây Cù-da-ni lại là tháng ba, nếu ở Bắc Uất-đơn-việt thì mặt trời tháng sáu, nếu ở Đông Phất-bà-đề thì mặt trời tháng chín. Nếu giáp một năm thì trở lại Diêm-phù-đề. Trong một thiên hạ thường có ba thời: hạ, đông, xuân, hạ là tùy theo xuân, đông là tùy theo hạ, xuân là tùy theo đông. Vào ngày mười lăm tháng tám ở Đông Phất-bà-đề mát mẻ thì ở Diêm-phù-đề là ngày kiết hạ mười lăm tháng năm; mười lăm tháng hai ở Tây Cù-da-ni là ngày mười lăm tháng mười một ở Bắc Uất-đơn-việt. Hạ phần tháng ba ở Đông Phất-bà-đề đã sang ở giữa hai châu Đông Phất-bà-đề và Nam Diêm-phù-đề, xuân phần tháng ba ở Tây Cù-da-ni chưa sang giữa hai châu Diêm-phù-đề và Cù-da-ni thì xuân ở Cù-da-ni đã sang một tháng, Đông phần ở Uất-đơn-việt chưa sang hai tháng, đó là ba tháng ở giữa Cù-da-ni và Uất-đơn-việt; đông phần ở Uất-đơn-việt chưa sang hai tháng, hạ phần ở Phất-bà-đề chưa vào một tháng, đó là ba tháng ở giữa hai châu Uất-đơn-việt và Phất-bà-đề. Núi Tu-di ở giữa bốn thiên hạ, vì sao nó lại ở phía Bắc bốn thiên hạ? Đó là tùy theo mặt trời đi, phân chia phương Đông Đông Phất-bà-đề là phương Bắc Nam Diêm-phù-đề là phương Tây Đông Phất-bà-đề là phương Nam Nam Diêm-phù-đề; phương Bắc Đông Phất-bà-đề là phương Tây Nam Diêm-phù-đề; phương Nam Đông Phất-bà-đề là phương Đông Nam Diêm-phù-đề. Bắc Uất-đơn-việt và Tây Cù-da-ni lại cũng như vậy, Nam Diêm-phù-đề và Bắc Uất-đơn-việt đối nhau, Đông Phất-bà-đề và Tây Cù-da-ni đối nhau. Lúc ấy mặt trời mặt trăng bắt đầu sinh ra thế gian, cách nhau rất xa, mặt trời chiếu chính giữa Đông Phất-bà-đề thì mặt trăng ở chính giữa Tây Cù-da-ni. Lúc ấy ánh sáng chiếu khắp bốn thiên hạ, mặt trời chiếu một nửa, mặt trăng chiếu một nửa. Nếu mặt trời đã qua chính giữa Đông Phất-bà-đề thì nó đã lặn Bắc Uất-đơn-việt và đã mọc ở Nam Diêm-phù-đề. Nếu mặt trăng đã đi qua chính giữa Tây Cù-da-ni thì đã lặn ở Diêm-phù-đề và đã mọc ở Uất-đơn-việt. Nếu trăng tròn ban đêm đã đến, lúc mặt trăng đang ở chính giữa Uất-đơn-việt thì mặt trời ở

chính giữa Nam Diêm-phù-đề, mặt trời qua giữa Diêm-phù-đề thì đã lặn ở Đông Phát-bà-đề và đã mọc ở Tây Cù-da-ni. Nếu mặt trăng đi qua chính giữa Bắc Uất-đơn-việt thì ở Đông Phát-bà-đề đã mọc và ở Tây Cù-da-ni đã lặn. Nếu trăng ban đêm tròn ở Đông Phát-bà-đề đang ở chính giữa thì mặt trời đang ở chính giữa Tây Cù-da-ni, mặt trời đi qua trung ương Tây Cù-da-ni thì đã lặn ở Diêm-phù-đề và đã mọc ở Uất-đơn-việt. Nếu mặt trăng đi qua trung ương Đông Phát-bà-đề thì đã lặn ở Uất-đơn-việt và đã mọc ở Diêm-phù-đề. Trăng tròn ban đêm ở Diêm-phù-đề đang ở chính giữa thì mặt trời ở Bắc Uất-đơn-việt đang ở chính giữa. Vì sao mặt trời mặt trăng hợp tại một chỗ? Nghĩa là do sự chuyển động của mặt trăng nên dường như mặt trời cũng chuyển động theo, mỗi ngày gần nhau bốn vạn tám nghìn tám mươi do tuần, mỗi ngày xa nhau cũng lại như vậy. Lúc gần nhau mỗi ngày mặt trăng bị che ba một phần ba do-tuần, vì việc này nên mặt trăng ngày mười lăm bị che hoàn toàn, đó gọi là ngày hắc bán mãn. Mặt trời cách mặt trăng cũng bốn vạn tám nghìn tám mươi do-tuần, mặt trời chiếu mặt trăng ba một phần ba do-tuần, vì việc này nên trăng ngày mười lăm tròn sáng vàng vạc, ở thế gian gọi là bạch bán mãn. Nếu mặt trời và mặt trăng quay cách xa nhau nhất, lúc đó trăng tròn, thế gian gọi là bạch bán viên mãn. Nếu mặt trời và mặt trăng quay gặp nhau trên một trục, thế gian gọi là hắc bán viên mãn. Kinh độ của ánh sáng mặt trời là bảy ức hai vạn một nghìn hai trăm do-tuần, chu vi là hai mươi mốt ức sáu vạn ba nghìn sáu trăm do-tuần. Lúc mặt trời mọc ở Diêm-phù-đề thì cũng lúc là mặt trời lặn ở Uất-đơn-việt; lúc mặt trời đang chính giữa Đông Phát-bà-đề thì ở Tây Cù-da-ni đang giữa đêm. Bốn thời trong một thiên hạ này là do mặt trời mà hình thành. Nghĩa như vậy, đức Phật Thế Tôn đã dạy, tôi nghe như vậy.

